

Số: 535/2026/QĐST-HNGĐ

Thành phố Huế, ngày 14 tháng 08 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 612/2026/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2026 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Anh Phan Văn C, sinh năm: 1982; Địa chỉ: Tổ dân phố T, phường M, Thành phố H;

2. Chị Đinh Thị Kim L, sinh năm: 1980; Địa chỉ: A P, Phường V, Thành phố H;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Phan Văn C và chị Đinh Thị Kim L tự nguyện đăng ký kết hôn tại đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là: phường M, thành phố H) vào ngày 10/02/2009 nên là hôn nhân hợp pháp. Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Xét việc thuận tình ly hôn của anh C, chị L trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 06/08/2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên cần công nhận sự thuận tình ly hôn của anh Phan Văn C và Đinh Thị Kim L.

[2] Về con chung: Anh Phan Văn C và chị Đinh Thị Kim L xác nhận vợ

chồng chung sống có 02 con chung tên là Phan Đăng Anh K, sinh ngày 11/05/2010 và Phan Thùy D, sinh ngày: 03/11/2012. Hiện nay hai cháu đang ở với chị L.

Anh Phan Văn C và chị Đinh Thị Kim L yêu cầu Tòa án công nhận sự thỏa thuận về nuôi con: Giao hai con chung là cháu Phan Đăng Anh K, sinh ngày 11/05/2010 và cháu Phan Thùy D, sinh ngày: 03/11/2012 cho chị L trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến lúc cháu K và cháu L thành niên, đủ 18 tuổi. Anh C phải cấp dưỡng tiền nuôi hai con chung mỗi tháng là 3.000.000 đồng (1.500.000 đồng/ cháu/ tháng), kể từ ngày Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự có hiệu lực pháp luật cho đến lúc cháu K và cháu Dương thành N, đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con khi cần thiết các bên có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả khoản tiền, hàng tháng, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

[3] Về tài sản chung: Anh Phan Văn C và chị Đinh Thị Kim L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Anh Phan Văn C và chị Đinh Thị Kim L xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí Tòa án: Anh Phan Văn C và chị Đinh Thị Kim L mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí giải quyết việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn theo quy định pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 06 tháng 08 năm 2026, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa anh Phan Văn C và chị Đinh Thị Kim L

- Về con chung: Giao hai con chung là cháu Phan Đăng Anh K, sinh ngày 11/05/2010 và cháu Phan Thùy D, sinh ngày: 03/11/2012 cho chị L trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến lúc cháu K và cháu L thành niên, đủ 18 tuổi. Anh C phải cấp dưỡng tiền nuôi hai con chung mỗi tháng là 3.000.000 đồng (1.500.000 đồng/ cháu/ tháng) , kể từ ngày Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự có hiệu lực pháp luật cho đến lúc cháu K và cháu Dương thành N, đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con khi cần thiết các bên có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả khoản tiền, hàng tháng, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

- Về tài sản chung: Anh Phan Văn C và chị Đinh Thị Kim L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh Phan Văn C và chị Đinh Thị Kim L xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí dân sự sơ thẩm: Anh Phan Văn C và chị Đinh Thị Kim L mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí giải quyết việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn; được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí mà anh C , chị L đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000381 ngày 29/07/2026 của Thi hành án dân sự thành phố H. Anh C và chị L đã nộp đủ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8 và Điều 36 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Huế;
 - VKSND khu vực 1, Huế;
 - Thi hành án Dân sự, tp Huế;
 - UBND phường Mỹ Thượng;
- (ĐKKH số: 56/2014, quyền số 02/2013 ngày 27/06/2014 của UBND xã Phú Thượng cũ)
- Các đương sự;
 - Lưu hồ sơ.
 - Lưu dán án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Hương Lan